

CÔNG TY TNHH MTV ITAXA
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: Việt Nam Đồng

Mẫu số B 01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		53.124.086.959	84.699.039.310
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110		2.926.117.503	11.999.174.575
1. Tiền	111	(V.1)	2.926.117.503	5.719.174.575
2. Các khoản tương đương tiền	112			6.280.000.000
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120	(V.2)	18.000.000.000	34.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		18.000.000.000	34.000.000.000
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130		22.327.797.894	24.873.688.961
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	(V.3)	25.655.589.471	24.874.881.400
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		311.817.516	762.500.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	(V.4)	472.066.998	3.347.983.652
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(4.111.676.091)	(4.111.676.091)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	(V.5)		
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140		9.474.020.936	12.789.263.727
1. Hàng tồn kho	141	(V.7)	9.474.020.936	12.789.263.727
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		396.150.626	1.036.912.047
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	(V.13)	396.150.626	475.237.947
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			561.674.100
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153			
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	(V.14)		

CÔNG TY TNHH MTV ITAXA
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: Việt Nam Đồng

Mẫu số B 01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		258.236.569.367	250.482.279.670
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		680.000.000	680.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	(V.3)		
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216	(V.4)	680.000.000	680.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		107.718.976.660	110.477.138.335
1. TSCĐ hữu hình	221	(V.9)	88.170.528.208	90.770.523.217
- Nguyên giá	222		273.449.739.550	271.113.933.550
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(185.279.211.342)	(180.343.410.333)
2. TSCĐ thuê tài chính	224	(V.11)	-	-
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. TSCĐ vô hình	227	(V.10)	19.548.448.452	19.706.615.118
- Nguyên giá	228		21.549.342.559	21.549.342.559
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(2.000.894.107)	(1.842.727.441)
III. Bất động sản đầu tư	230	(V.12)	12.330.258.893	12.843.744.437
- Nguyên giá	231		38.567.622.092	38.567.622.092
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(26.237.363.199)	(25.723.877.655)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	(V.8)		
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	(V.2)	130.313.718.727	117.206.718.727
1. Đầu tư vào công ty con	251		22.784.564.975	22.784.564.975
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		107.529.153.752	94.422.153.752
VI. Tài sản dài hạn khác	260		7.193.615.087	9.274.678.171
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(V.13)	7.193.615.087	9.274.678.171
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	(V.24)		
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268	(V.14)		
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		311.360.656.326	335.181.318.980

CÔNG TY TNHH MTV ITAXA
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: Việt Nam Đồng

Mẫu số B 01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		35.896.138.471	65.870.129.002
I. Nợ ngắn hạn	310		17.243.527.373	47.279.012.674
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	(V.16)	6.060.366.247	15.913.401.704
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		580.910.322	1.409.693.061
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	(V.19)	4.430.036.531	5.387.461.051
4. Phải trả người lao động	314		5.223.199.903	15.378.060.903
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	(V.20)		
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	(V.22)		
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	(V.21)	785.622.776	774.611.361
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	(V.15)		
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	(V.23)		
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		163.391.594	8.415.784.594
13. Quỹ bình ổn	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		18.652.611.098	18.591.116.328
1. Phải trả người bán dài hạn	331	(V.16)		
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	(V.20)		
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	(V.22)		
7. Phải trả dài hạn khác	337	(V.21)	18.652.611.098	18.591.116.328
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	(V.15)		
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	(V.17)		
10. Cổ phiếu ưu đãi	340	(V.18)		
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	(V.24)		
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	(V.23)		
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			

CÔNG TY TNHH MTV ITAXA
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: Việt Nam Đồng

Mẫu số B 01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		275.464.517.855	269.311.189.978
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	410		275.464.517.855	269.311.189.978
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	(V.25)	255.000.000.000	255.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a			
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	(V.26)		
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	(V.27)		
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		14.311.189.978	14.311.189.978
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.153.327.877	-
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a			
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.153.327.877	
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
<i>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</i>	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431	(V.28)		
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		311.360.656.326	335.181.318.980

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 07 năm 2020

Người lập biểu



Trần Ngọc Thành

Kế toán trưởng



Đặng Thị Ngọc Hiếu



Nguyễn Đức Trọng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	(VI.1)	79.839.646.960	92.031.873.403
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	(VI.2)	-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		79.839.646.960	92.031.873.403
4 Giá vốn hàng bán	11	(VI.3)	52.533.975.682	64.222.913.791
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		27.305.671.278	27.808.959.612
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	(VI.4)	1.947.420.505	1.859.307.085
7 Chi phí tài chính	22	(VI.5)	160.355	-
8 Chi phí bán hàng	24	(VI.8)	631.965.725	219.835.818
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(VI.8)	23.860.748.678	24.267.253.654
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.760.217.025	5.181.177.225
11 Thu nhập khác	31	(VI.6)	4.521.799.701	4.763.477.135
12 Chi phí khác	32	(VI.7)	1.747.589.537	2.105.372.920
13 Lợi nhuận khác	40		2.774.210.164	2.658.104.215
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.534.427.189	7.839.281.440
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(VI.10)	1.381.099.312	1.470.918.443
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(VI.11)	-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.153.327.877	6.368.362.997
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		-	-
19 Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 07 năm 2020

Người lập biểu



Trần Ngọc Thành

Kế toán trưởng



Đặng Thị Ngọc Hiếu

Giám đốc



Nguyễn Đức Trọng

CÔNG TY TNHH MTV ITAXA
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: Việt Nam Đồng

Mẫu số B 03 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	7.534.427.189	7.839.281.440
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.607.453.219	5.120.847.000
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi (lỗ) từ hoạt động đầu tư	05	(1.947.420.505)	(1.918.397.994)
- Chi phí lãi vay	06	-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	11.194.459.903	11.041.730.446
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	3.107.565.167	14.439.041.034
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	3.315.242.791	7.245.962.272
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(13.860.360.519)	(13.068.058.349)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	2.160.150.405	716.801.441
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	-
- Thuê thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.515.167.604)	(1.504.127.499)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	545.002.091	1.464.399.932
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(13.258.943.643)	(11.434.680.651)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(9.312.051.409)	8.901.068.626
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.335.806.000)	(1.328.675.223)
2. Tiền thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	59.090.909
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.893.000.000	(3.542.920.570)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.940.991.814	1.852.159.153
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.498.185.814	(2.960.345.731)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.259.191.477)	(2.014.370.292)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.259.191.477)	(2.014.370.292)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(9.073.057.072)	3.926.352.603
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	11.999.174.575	2.165.989.479
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2.926.117.503	6.092.342.082

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 07 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc






Trần Ngọc Thành

Đặng Thị Ngọc Hiếu

Nguyễn Đức Trọng

CÔNG TY TNHH MTV ITAXA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-
BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn và thông tin doanh nghiệp:

Công ty TNHH MTV ITAXA, được chuyển đổi từ Công ty ITAXA, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300442457 do Sở Kế hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 22 tháng 4 năm 1993. Trong quá trình hoạt động, Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 15 ngày 07 tháng 12 năm 2015.

Chủ sở hữu : THÔNG TẤN XÃ VIỆT NAM (100% vốn Nhà nước)

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức Trọng - Chức vụ: Giám đốc

Công ty có trụ sở chính đặt tại: 122-124-126 Nguyễn Thị Minh Khai, P.6, Q.3, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Công nghiệp in: Chế bản in, in tin, báo, tạp chí và các ấn phẩm khác, đóng xén thành phẩm in.
- Mua bán vật tư ngành in, sách báo, tranh ảnh, văn hóa phẩm, băng nhạc video, cassette, đĩa nhạc có nội dung được phép lưu hành.
- Photocopy các loại giấy tờ, sách, tài liệu có nội dung theo quy định của pháp luật được phép lưu hành.
- Kinh doanh xuất nhập khẩu văn hóa phẩm, máy móc thiết bị, vật tư ngành in và tin học liên quan tới ngành in.
- Kinh doanh nhà hàng, dịch vụ khách sạn, cho thuê văn phòng, bất động sản.
- Đào tạo, dạy nghề; đào tạo ngoại ngữ, tin học.
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục: tư vấn du học nước ngoài.

Vốn điều lệ: 255.000.000.000 VND

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng

5. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách các công ty con:
 - * Công ty Cổ phần Địa Sinh

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính: số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2019.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị sử dụng Đồng Việt Nam trong hạch toán kế toán.

CÔNG TY TNHH MTV ITAXA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KÊ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam

2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015 và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Vi vậy, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh các báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

3. **Hình thức sổ kế toán áp dụng:**

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI DOANH NGHIỆP (TRONG TRƯỜNG HỢP DOANH NGHIỆP ĐÁP ỨNG GIẢ ĐỊNH HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC)

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính và nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính sử dụng đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam (VND), và được lập theo chế độ kế toán, Chuẩn mực kế toán, Nguyên tắc kế toán Việt Nam được chấp nhận chung tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. **Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế của Ngân hàng Thương mại vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

3. **Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4. **Nguyên tắc kế toán Các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết

CÔNG TY TNHH MTV ITAXA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.
- + Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.
- Các khoản khác từ công ty liên kết mà nhà đầu tư nhận được ngoài cổ tức và lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi của các khoản đầu tư và được ghi giảm giá gốc khoản đầu tư.
- Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận:

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hoá đơn, chứng từ.

Lập dự phòng phải thu khó đòi:

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 1 năm trở lên doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng chưa thu được nợ và các khoản nợ dưới 1 năm nhưng con nợ có dấu hiệu không trả được nợ. Tăng hoặc giảm khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập theo từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019.

Tăng hoặc giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

6. Hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Sản phẩm dở dang cuối kỳ được đánh giá theo phương pháp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : Kế khai thường xuyên

7. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư

a. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp

CÔNG TY TNHH MTV ITAXA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được thể hiện theo nguyên giá. Nguyên giá này bao gồm chi phí xây dựng, giá trị máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được tính khấu hao cho đến khi các tài sản có liên quan được hoàn thành và đưa vào sử dụng.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định hữu hình

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo thời gian quy định tại thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài Chính, cụ thể như sau:

Nhóm Tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05-25 năm
- Máy móc thiết bị	03-15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06-10 năm
- Thiết bị dụng cụ, quản lý	03-07 năm
- Tài sản cố định khác	04-10 năm

b. Tài sản cố định vô hình

ISCD vô hình bao gồm Quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính.

Quyền sử dụng đất là tài sản lâu dài nên không trích khấu hao. Thời gian khấu hao phần mềm là 05 năm.

c. Bất động sản đầu tư:

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là tài sản phải thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai; và
- Nguyên giá của bất động sản đầu tư phải được xác định một cách đáng tin cậy.

Bất động sản đầu tư phải được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Nguyên tắc và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư: áp dụng chính sách khấu hao nhất quán với chính sách khấu hao của tài sản cùng loại mà doanh nghiệp đang sử dụng.

CÔNG TY TNHH MTV ITAXA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bất động sản đầu tư của Công ty là giá trị của tòa nhà tọa lạc tại số 126 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích của bất động sản đầu tư (từ 6 đến 25 năm).

8. Nguyên tắc kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các công cụ nhỏ, vật dụng và trang thiết bị văn phòng và các chi phí khác mà mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho công ty. Chi phí trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh sử dụng theo khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác:

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là doanh nghiệp sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán sẽ tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch đó.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

CÔNG TY TNHH MTV ITAXA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành.
- Xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

14. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu:

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

15. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.

Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

a. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 10% (mười phần trăm) và 20% (hai mươi phần trăm) thu nhập chịu thuế theo ngành nghề và lĩnh vực ưu đãi và không ưu đãi.

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm;

Các báo cáo thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định thuế đối với các nghiệp vụ có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau, do vậy, các

CÔNG TY TNHH MTV ITAXA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

số liệu thuế thể hiện trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

b. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ được áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

17. Các bên liên quan:

Các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty được coi là các bên liên quan.

Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	459.368.180	113.617.482
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.466.749.323	5.605.557.093
Các khoản tương đương tiền(tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống)	-	6.280.000.000
Cộng	2.926.117.503	11.999.174.575

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời của Báo cáo tài chính được đính kèm

CÔNG TY TNHH MTV ITAXA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2. Các khoản đầu tư tài chính

2.1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 12 tháng	18.000.000.000	34.000.000.000
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 12 tháng	107.529.153.752	94.422.153.752
Cộng	125.529.153.752	128.422.153.752

2.2. Đầu tư vào công ty con

Tên Công ty	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty Cổ phần Địa Sinh	72,09%	22.784.564.975	22.784.564.975
Cộng		22.784.564.975	22.784.564.975

2.3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn

Giá trị thuần của các khoản đầu tư dài hạn	22.784.564.975	22.784.564.975
--	-----------------------	-----------------------

3. Phải thu khách hàng

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	25.647.997.252	24.874.881.400
- Tuần Báo Thể Thao Ngày Nay	1.357.265.770	1.357.265.770
- Tạp chí Bóng Đá	695.827.815	1.763.085.089
- Báo Đồng Nai	1.860.458.800	1.571.467.740
- Báo Thể Thao và Văn Hóa	623.051.800	573.628.000
- Công ty CP Truyền thông Lê	958.328.060	976.807.500
- Công ty DV QC Cát Thiên Hoàng	318.531.290	382.163.980
- Công ty TNHH Crestec VN	1.444.163.028	391.110.784
- Công ty CP Emobi	292.554.900	342.908.489
- Công ty TNHH Truyền thông Quang Hải	725.625.773	725.625.773
- Công ty TNHH MTV VH Đại Việt Á	-	285.003.750
- Công ty TNHH TM Bình Hòa Phát	1.435.034.917	1.435.034.917
- Các khoản phải thu khách hàng khác	15.937.155.099	15.070.779.608
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
c) Phải thu của KH là các bên liên quan	-	-
- Công ty CP Địa Sinh	7.592.219	-
Cộng	25.655.589.471	24.874.881.400

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời của Báo cáo tài chính được đính kèm

CÔNG TY TNHH MTV ITAXA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Phải thu khác

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
a) Ngắn hạn	472.066.998	3.347.983.652
- Phải thu khác, tạm ứng	41.666.311	10.000.000
- Bảo lãnh dự thầu	-	44.220.000
- Thuế TNCN của CBCNV	-	1.452.435.712
- Thuế GTGT đầu vào chưa đủ điều kiện khấu trừ	430.400.687	1.841.327.940
b) Dài hạn	680.000.000	680.000.000
- Đặt cọc thuê mặt bằng	630.000.000	630.000.000
- Đặt cọc mua thực phẩm ăn ca	50.000.000	50.000.000
Cộng	1.152.066.998	4.027.983.652

5. Tài sản thiếu chờ xử lý

6. Nợ xấu

7. Hàng tồn kho

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Nguyên liệu, vật liệu	7.451.098.547	9.339.417.316
Công cụ dụng cụ	2.022.922.389	1.889.829.179
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	1.560.017.232
Cộng	9.474.020.936	12.789.263.727

8. Xây dựng cơ bản dở dang

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Mua sắm máy móc thiết bị	-	-
- Xây dựng cơ bản	-	-
Cộng	-	-

CÔNG TY TNHH MTV ITAXA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

9. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà xưởng vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng + TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	36.848.158.316	225.666.269.730	5.754.328.529	2.845.176.975	271.113.933.550
- Mua trong kỳ	-	2.335.806.000	-	-	2.335.806.000
- XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	36.848.158.316	228.002.075.730	5.754.328.529	2.845.176.975	273.449.739.550
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	28.992.957.747	146.186.313.173	3.062.738.188	2.101.401.225	180.343.410.333
- Khấu hao trong kỳ	629.676.643	3.838.654.749	324.290.496	143.179.121	4.935.801.009
- Giảm khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	29.622.634.390	150.024.967.922	3.387.028.684	2.244.580.346	185.279.211.342
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	7.855.200.569	79.479.956.557	2.691.590.341	743.775.750	90.770.523.217
Tại ngày cuối kỳ	7.225.523.926	77.977.107.808	2.367.299.845	600.596.629	88.170.528.208

10. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	PM xử lý chu trình chế bản & ghi phim	Phần mềm QL sản xuất in & tính giá	Phần mềm kế toán	Giá trị quyền sử dụng đất	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1.194.577.539	1.238.000.000	39.301.755	19.077.463.265	21.549.342.559
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1.194.577.539	1.238.000.000	39.301.755	19.077.463.265	21.549.342.559
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1.194.577.539	608.848.147	39.301.755	-	1.842.727.441
- Khấu hao trong kỳ	-	158.166.666	-	-	158.166.666
- Thanh lý nhượng bán	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1.194.577.539	767.014.813	39.301.755	-	2.000.894.107
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	-	629.151.853	-	19.077.463.265	19.706.615.118
Tại ngày cuối kỳ	-	470.985.187	-	19.077.463.265	19.548.448.452

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời của Báo cáo tài chính được đính kèm

CÔNG TY TNHH MTV ITAXA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

11. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

12. Tăng giảm bất động sản đầu tư (Nhà 126 Nguyễn Thị Minh Khai)

	Số dư đầu năm	Tăng	Giảm	Số dư cuối kỳ
Nguyên giá	38.567.622.092	-	-	38.567.622.092
Giá trị hao mòn lũy kế	25.723.877.655	513.485.544	-	26.237.363.199
Giá trị còn lại	12.843.744.437	-	-	12.330.258.893

13. Chi phí trả trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	396.150.626	475.237.947
- Chi phí công cụ, dụng cụ	396.150.626	475.237.947
b) Dài hạn	7.193.615.087	9.274.678.171
- Chi phí công cụ, dụng cụ	892.386.105	1.129.245.705
- Chi phí sửa chữa nhà	6.301.228.982	8.145.432.466
Cộng	7.589.765.713	9.749.916.118

14. Tài sản khác

15. Vay và nợ thuê tài chính

16. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	5.231.387.547	14.274.014.284
- Công ty TNHH Tín Nhân	182.339.168	792.942.522
- Công ty TNHH TM DV Toàn An	113.672.354	373.217.665
- Cty TNHH MTV In và TM TTXVN	2.623.909.900	-
- Công ty CP Phùng Vĩnh Hưng	-	1.254.639.063
- Công ty CP SX TM Giấy Mê Kông	429.896.290	1.597.202.948
- Công ty CP Giấy Toàn Lực	322.162.272	2.295.056.236
- Phải trả cho các đối tượng khác	1.559.407.563	7.960.955.850
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
d) Phải trả người bán là các bên liên quan	828.978.700	1.639.387.420
- Công ty CP Địa Sinh	828.978.700	1.639.387.420
Cộng	6.060.366.247	15.913.401.704

17. Trái phiếu phát hành

CÔNG TY TNHH MTV ITAXA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

18. Cổ phiếu ưu đãi phân loại là nợ phải trả

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	2.768.958.744	2.083.303.303	685.655.441
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.345.695	1.345.695	-
- Thuế xuất nhập khẩu	-	1.223.359	1.223.359	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.520.219.578	1.381.099.312	2.515.167.604	386.151.287
- Thuế thu nhập cá nhân	1.608.049.996	379.354.926	1.888.794.206	98.610.716
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	3.259.619.088	-	3.259.619.088
- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
- LNST nộp về NSNN	2.259.191.477	-	2.259.191.477	-
Cộng	5.387.461.051	7.794.601.124	8.752.025.644	4.430.036.531

20. Chi phí phải trả

21. Phải trả khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	785.622.776	774.611.361
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	71.420.000	13.081.600
Kinh phí công đoàn	-	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	649.000.000	676.000.000
+ Đặt cọc chế bản điện tử	15.000.000	30.000.000
+ Đặt cọc phế liệu	50.000.000	50.000.000
+ Đặt cọc thuê phòng	18.000.000	20.000.000
+ Đặt cọc in ấn phẩm	526.000.000	526.000.000
+ Đặt cọc khác	40.000.000	50.000.000
Thuế và các khoản phải trả	65.202.776	85.529.761
b) Dài hạn	18.652.611.098	18.591.116.328
Nhận ký quỹ tiền cho thuê văn phòng	18.652.611.098	18.591.116.328
Cộng	19.438.233.874	19.365.727.689

22. Doanh thu chưa thực hiện

23. Dự phòng phải trả

CÔNG TY TNHH MTV ITAXA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

24. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	-
Cộng	-	-
b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	-	-
Cộng	-	-

25. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Lợi nhuận sau thuế chưa Phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	255.000.000.000	7.720.030.632	-	-	262.720.030.632
- Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm	-	-	-	21.970.531.153	21.970.531.153
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Trích các quỹ trong năm	-	6.591.159.346	-	(21.970.531.153)	(15.379.371.807)
- Tăng vốn	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	255.000.000.000	14.311.189.978	-	-	269.311.189.978
Số dư đầu năm nay	255.000.000.000	14.311.189.978	-	-	269.311.189.978
- Tăng trong kỳ	-	-	-	6.153.327.877	6.153.327.877
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	255.000.000.000	14.311.189.978	-	6.153.327.877	275.464.517.855

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thông tấn xã Việt Nam	255.000.000.000	255.000.000.000
Cộng	255.000.000.000	255.000.000.000

CÔNG TY TNHH MTV ITAXA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia
 - d) Cổ phiếu
 - đ) Cổ tức
 - e) Các quỹ của doanh nghiệp
 - g) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu theo qui định của các chuẩn mực kế toán cụ thể
26. Chênh lệch đánh giá lại tài sản
27. Chênh lệch tỷ giá
28. Nguồn kinh phí
29. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán
- a) Tài sản thuê ngoài
 - b) Tài sản nhận giữ hộ
 - c) Ngoại tệ các loại:
 - USD: 1,489.10
 - EUR: 595.10
 - d) Kim khí quý, đá quý
 - đ) Nợ khó đòi đã xử lý
 - e) Các thông tin khác về các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán
30. Các thông tin khác do doanh nghiệp tự thuyết minh, giải trình

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020</i>	<i>Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019</i>
Doanh thu bán hàng	47.034.524.547	63.434.420.867
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.561.281.410	12.619.521.429
Doanh thu kinh doanh bất động sản	17.159.784.003	15.761.080.507
Doanh thu khác	84.057.000	216.850.600
Cộng	79.839.646.960	92.031.873.403

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<i>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020</i>	<i>Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019</i>
Hàng bán bị trả lại	-	-
Cộng	-	-

CÔNG TY TNHH MTV ITAXA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Giá vốn hàng bán

	<i>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020</i>	<i>Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019</i>
Giá vốn thành phẩm đã bán	46.532.132.665	60.103.782.902
Giá vốn hàng hóa đã bán	10.675.675	4.475.863
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	5.991.167.342	4.114.655.026
Cộng	52.533.975.682	64.222.913.791

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020</i>	<i>Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019</i>
Lãi tiền gửi	1.940.991.814	1.852.159.153
Cổ tức	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	6.428.691	7.147.932
Cộng	1.947.420.505	1.859.307.085

5. Chi phí tài chính

	<i>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020</i>	<i>Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019</i>
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	160.355	-
Cộng	160.355	-

6. Thu nhập khác

	<i>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020</i>	<i>Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019</i>
- Thu tiền điện	3.777.236.935	3.795.868.763
- Thu tiền giữ xe	696.079.541	826.758.634
- Thu thanh lý tài sản	-	59.090.909
- Thu khác	48.483.225	81.758.829
Cộng	4.521.799.701	4.763.477.135

7. Chi phí khác

	<i>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020</i>	<i>Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019</i>
- Chi phí điện	1.747.586.942	1.982.558.328
- Chi phí khác	2.595	122.814.592
Cộng	1.747.589.537	2.105.372.920

CÔNG TY TNHH MTV ITAXA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	<i>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020</i>	<i>Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019</i>
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	23.860.748.678	24.267.253.654
- Chi phí nhân viên quản lý	12.117.839.695	13.779.132.448
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.298.061.720	1.167.967.336
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.200.945.516	3.249.332.920
- Chi phí khác	6.243.901.747	6.070.820.950
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	631.965.725	219.835.818
- Hoa hồng chế bán điện tử	14.310.000	52.546.000
- CP môi giới thuê văn phòng	73.269.091	167.289.818
- CP khác	544.386.634	-
Cộng	24.492.714.403	24.487.089.472

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<i>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020</i>	<i>Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019</i>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	17.692.546.265	32.476.665.251
- Chi phí nhân công	19.736.161.323	21.474.247.599
- Chi phí khấu hao	5.607.453.219	5.120.847.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.967.285.832	10.941.739.002
- Chi phí khác bằng tiền	21.770.993.338	20.801.877.331
Cộng	78.774.439.977	90.815.376.183

10. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	<i>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020</i>	<i>Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.534.427.189	7.839.281.440
Các khoản điều chỉnh tăng	90.241.000	263.321.101
+ Chi phí không có hoá đơn chứng từ theo quy định	90.241.000	148.562.809
+ Tăng khác	-	114.758.292
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
+ Cổ tức được chia	-	-
+ Giảm khác	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế (từ hoạt động sản xuất kinh doanh)	7.624.668.189	8.102.602.541
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.381.099.312	1.470.918.443

CÔNG TY TNHH MTV ITAXA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

11. Chi phí thuế TNDN hoãn lại

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai.
2. Các khoản tiền do Công ty nắm giữ nhưng không được sử dụng.

Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do Công ty nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế về mặt pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà Công ty phải thực hiện.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho thuê Văn phòng	18.652.611.098	18.591.116.328
- Tiền đặt cọc chế bản, in ấn phẩm, phế liệu, thuê phòng học,	649.000.000	676.000.000
Cộng	<u><u>19.301.611.098</u></u>	<u><u>19.267.116.328</u></u>

3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 07 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Trần Ngọc Thành

Đặng Thị Ngọc Hiếu

Nguyễn Đức Trọng